



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
NĂM 2024

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thi công cơ giới xây lắp;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY kiểm toán ngày 27/03/2025;
- Căn cứ báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông về việc kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thi công cơ giới xây lắp xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Năm 2023	Năm 2024
I Tài sản ngắn hạn	444,438,387,773	413,075,704,093
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	10,326,888,026	15,359,559,836
2 Các khoản phải thu ngắn hạn	183,195,281,582	147,578,828,033
3 Hàng tồn kho	250,198,067,038	250,137,316,224
4 Tài sản ngắn hạn khác	718,151,127	0
II Tài sản dài hạn	43,917,645,667	49,253,762,786
1 Các khoản phải thu dài hạn	9,152,500,000	9,152,500,000
2 Tài sản cố định	21,946,260,930	26,970,393,861
- Tài sản cố định hữu hình	21,946,260,930	26,809,977,194
- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
- Tài sản cố định vô hình		160,416,667
3 Tài sản dở dang dài hạn	12,270,719,148	12,270,719,148
4 Tài sản dài hạn khác	548,165,589	860,149,777
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	488,356,033,440	462,329,466,879
NGUỒN VỐN		
III Nợ phải trả	433,125,952,862	405,513,148,999
1 Nợ ngắn hạn	404,293,867,265	376,201,524,251
2 Nợ dài hạn	28,832,085,597	29,311,624,748
IV Vốn chủ sở hữu	55,230,080,578	56,816,317,880
1 Vốn chủ sở hữu	55,230,080,578	56,816,317,880
- Vốn góp của chủ sở hữu	42,099,200,000	43,783,170,000
- Thặng dư vốn cổ phần	1,279,740,000	1,279,740,000
- Quỹ đầu tư phát triển	0	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4,069,740,578	3,972,007,880
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	7,781,400,000	7,781,400,000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	488,356,033,440	462,329,466,879

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	343,828,734,862	275,221,666,233
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	343,828,734,862	275,221,666,233
3	Giá vốn hàng bán	318,588,889,747	252,118,325,910
4	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25,239,845,115	23,103,340,323
5	Doanh thu hoạt động tài chính	821,748,827	927,776,968
6	Chi phí tài chính	9,401,674,400	7,493,911,473
7	Chi phí bán hàng	0	0
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,249,820,355	8,774,528,262
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7,410,099,187	7,762,677,556
10	Thu nhập khác	215,046,182	1,483,737,576
11	Chi phí khác	11,174,000	2,675,383,449
12	Lợi nhuận khác	203,872,182	(1,191,645,873)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,613,971,369	6,571,031,683
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2,063,774,607	2,856,810,640
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,550,196,762	3,714,221,043
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	867	816

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	8.99%	10.65%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	91.01%	89.35%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	88.69%	87.71%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	11.31%	12.29%
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	- Khả năng thanh toán nhanh	48.04%	43.31%
	- Khả năng thanh toán hiện hành	109.93%	109.80%
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.14%	0.80%
	- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1.61%	1.35%
	- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	10.05%	6.54%

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

 CHỨC HỌI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đậu Văn Diện